TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hữu Lợi
2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng G (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Phương P, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh B (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh T, xã Tân Phú T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Bà và ông Lê Thanh B tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1994, không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông B không chăm sóc, lo lắng cho vợ con. Bà và ông B đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn càng ngày trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 05 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B .

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Lê Thanh H (nam), sinh năm 1995 và cháu Lê Thanh P (nam), sinh ngày 09/12/2000. Cháu P hiện đang sống với ông B , bà G đồng ý để ông B nuôi dưỡng cháu P và đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đồng/ tháng đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi. Còn đối với cháu H đã thành niên nên không yêu

cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Thanh B trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà G về thời gian chung sống, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định và nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay ông cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông thống nhất với phần tình bày của bà G có 02 con chung tên Lê Thanh H (nam), sinh năm 1995 và cháu Lê Thanh Ph (nam), sinh ngày 09/12/2000. Cháu Ph hiện đang sống với ông, ông B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu bà G cấp dưỡng. Còn đối với cháu H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. ông B vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông B. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Lê Thanh B là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Ph (nam), sinh ngày 09/12/2000 cho ông Lê Thanh B nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Hồng G đồng ý cấp dưỡng cháu Ph mỗi tháng 1.000.000đồng /tháng đến khi tròn 18 tuổi nên đề nghị ghi nhận; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Lê Thanh B tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà G , ông B phát sinh mâu thuẫn nên bà G nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông B . Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông B nhưng có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông B .

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà G và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống bà G , ông B phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 và đến thời điểm ly hôn vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 131 ,Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Lê Thanh B là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bà G , ông B giao cháu Lê Thanh Ph (nam), sinh ngày

09/12/2000 cho ông Lê Thanh B nuôi dưỡng, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng G đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà G cho cháu Ph ; Về tài sản chung và nợ chung các bên khai thống nhất không có nên không xem xét. Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng G .

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Lê Thanh B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Ph (nam), sinh ngày 09/12/2000 cho ông Lê Thanh B nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà Nguyễn Thị Hồng G cho cháu Ph 1.000.000đồng/ tháng đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Bà G có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác .

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai số 0014722 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà G đã nộp xong).

Án phí cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh